

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 13 - 9 - 2024  
V/v ly hôn giữa chị Ngát và anh Quý

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Quang;

Bà Phạm Thị Xuyên;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt);

ĐKKHKT: TDP số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: TDP số G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**- Bị đơn:** Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP số I, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024, bản tự khai ngày 27/8/2024 nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Đoàn Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N vào ngày 16/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa hợp thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Từ tháng 01/2024 đến nay vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung, hiện nay chị cũng không có thai nghén gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh **Q** không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 27/8/2024 bị đơn anh Đoàn Văn Q trình bày:* Anh và chị **Bùi Thị N** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện N** vào ngày 16/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng anh sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị **N**, nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì vậy, chị **N** là đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giải quyết cho anh và chị **N** ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị **N** không có con chung, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị **N** không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị **Bùi Thị N** và anh **Đoàn Văn Q**.

- Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị **Bùi Thị N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị N** và anh **Đoàn Văn Q** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định** vào ngày 16/7/2015 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị **N** và anh **Q**

đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị **N** làm đơn xin ly hôn anh **Q** đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị **N** và anh **Q** không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh **Đoàn Văn Q** của chị **Bùi Thị N** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị **N** và anh **Q** không có con chung, hiện chị **N** cũng không có thai nghén gì, các đương sự không có yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Chị **Bùi Thị N** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Bùi Thị N** và anh **Đoàn Văn Q**;

2. Về án phí DSST: Chị **Bùi Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **N** đã nộp theo biên lai số 0005125 ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND TT Nam Giang, huyện Nam Trực;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Ánh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Quang      Phạm Thị Xuyên**

**Nguyễn Thị Ánh**